

Bản án số: 103/2019/DS-ST
Ngày 28 – 8 – 2019
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thúy H, sinh năm 1978. Cư trú tại: Ấp P, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1965. Cư trú tại: P, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1965. Cư trú tại: Ấp P, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Trần Thúy H thể hiện:*

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu H1 có tham gia các dây hui do chị làm đầu thảo như sau:

+ Dây hui mở ngày 30/01/2016 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 45 phần, ông T, bà H1 tham gia 01 phần, góp được 02 lần thì bỏ 367.000 đồng, lĩnh được 28.086.000 đồng. Sau khi hốt đã đóng được đến ngày 05/6/2017 âm lịch thì ngưng và còn thiếu lại tính đến thời điểm mãn hui (ngày 05/9/2019 âm lịch) là 28 kỳ. Dây hui này, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã giải quyết buộc ông T, bà H1 trả 11 lần, còn lại 17 lần tương ứng với 17.000.000 đồng chưa được giải quyết.

+ Dây hui mở ngày 30/02/2017 âm lịch, loại 500.000 đồng, tháng khai 02 lần, gồm 40 phần, ông T, bà H1 tham gia 01 phần, góp được 01 lần thì đến ngày 15/3/2017 âm lịch bỏ 121.000 đồng, lĩnh được 14.652.000 đồng. Sau khi hốt đã đóng được đến ngày 05/6/2017 âm lịch thì ngưng và còn thiếu lại tính đến thời điểm mãn hui (ngày 20/9/2018 âm lịch) là 32 kỳ. Dây hui này, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã giải quyết buộc ông T, bà H1 trả xong 21 lần, còn lại 11 lần tương ứng với 5.500.000 đồng chưa được giải quyết

+ Dây hui mở ngày 30/3/2017 âm lịch, loại 300.000 đồng, tháng khai 02 lần, gồm 44 phần, ông T, bà H1 tham gia 02 phần. Phần thứ nhất hốt lần đầu bỏ 70.000 đồng, lĩnh được 9.740.000 đồng; phần thứ hai góp được 01 lần bỏ 81.000 đồng, lĩnh được 9.348.000 đồng. Sau khi hốt đã đóng được đến ngày 05/6/2017 âm lịch thì ngưng và còn thiếu lại tính đến thời điểm mãn hui (ngày 20/12/2018 âm lịch) là 39 kỳ. Dây hui này, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã giải quyết buộc ông T, bà H1 trả xong 22 lần, còn lại 17 lần tương ứng với 10.200.000 đồng chưa được giải quyết.

Sau đó, ông T, bà H1 đã trả được 500.000 đồng và thiếu lại 32.200.000 đồng. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu ông T, bà H1 trả lại số tiền này.

** Đối với ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu H1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng các đương sự này không có ý kiến và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với Trần Văn T và bà Nguyễn Thu H1: Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ tổng đạt đã đến địa chỉ nơi các đương sự có hộ khẩu để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự không có ở địa phương nên Tòa án không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là thuộc trường hợp các đương sự không thông báo cho Tòa án biết việc thay đổi địa chỉ nên Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiền H1nh xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Do đây hội 1.000.000 đồng tính đến ngày 05/9/2019 âm lịch thì đây hội mới mãn. Do vậy đến thời điểm xét xử, đây hội này còn 02 lần nên chị đồng ý đối trừ số tiền của 02 lần hội sống với số tiền 734.000 đồng và yêu cầu ông T, bà H1 trả lại số tiền còn lại là 31.466.000 đồng.

Xét thấy, việc chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với thực tế nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại bản án sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi thì bà H1 thừa nhận có tham gia 08 phần của 05 đây hội (trong đó có 03 đây hội hiện chị Trần Thúy H đang tiếp tục khởi kiện). Tại bản án này, Tòa án đã giải quyết nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/5/2018) và xác định số lần thiếu của 03 đây hội như chị H đã trình bày ở trên; chị H xác định ông T, bà H1 đã trả được 500.000 đồng nên đồng ý đối trừ. Đối với ông T, bà H1, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về ý kiến và yêu cầu của chị H nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, chị H yêu cầu ông T, bà H1 trả số tiền hội 31.466.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T, bà H1 phải chịu là: 31.466.000 đồng x 5% = 1.573.300 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy H. Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thu H1 trả cho chị H số tiền hội là 31.466.000 đồng (ba mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông T, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T và bà H1 phải chịu là 1.573.300 đồng (một triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng) (chưa nộp).

- Chị H không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 805.000 đồng (tám trăm lẻ năm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009530 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn